TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST Ngày 14-02-2023 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Trần Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn G2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn G2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị B trên cơ sở được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/3/1994. Sau ngày cưới, bà B về làm dâu ngay. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến khoảng năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà B thường không tôn trọng ý kiến của ông. Ông bà nhiều lần dàn xếp nhưng tình cảm không được cải thiện nên mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà B.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Ông Đ xác định có 03 con chung là Tạ Tuấn A, sinh năm 1995; Tạ Tuấn T, sinh năm 1996 và Tạ Hồng N, sinh ngày 06.4.2006. Hiện cháu A và cháu T đều đã trưởng thành, có thể tự túc lao động được nên ông không đề nghị giải quyết. Cháu N đang sống cùng ông và bà B. Ly hôn việc giao nuôi và cấp dưỡng nuôi cháu N, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B xác nhận về quá trình kết hôn như ông Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên, bà không đồng ý quan điểm của ông Đ về thời gian và nguyên nhân mẫu thuẫn. Bà B xác định bà và ông Đ không có mâu thuẫn, hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông bà chung sống cùng nhà, vẫn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Vợ chồng thỉnh thoảng sinh hoạt, quan hệ tình cảm với nhau nên bà không đồng ý ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận đơn ly hôn của ông Đ.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Bà B xác định có 03 con chung như ông Đ trình bày. Hiện nay cháu A và cháu T đều đã trưởng thành, có thể tự túc lao động được nên bà không đề nghị giải quyết. Cháu N đang sống cùng ông bà. Trường hợp ly hôn, bà đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tạ Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị B; ông Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Tạ Văn Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị B. Ông Đ, bà B đều cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn Đ và bà Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo ông Đ đến khoảng năm 2010, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng tỏ đã sảy ra việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà B xác định vợ

chồng bà vẫn còn tình cảm và tha thiết xin đoàn tụ. Mặt khác, ông Đ cũng xác định ông bà vẫn sống chung nhà, vợ chồng vẫn sinh hoạt, quan hệ với nhau và có trách nhiệm với các con. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà B chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn để vợ chồng về đoàn tụ nên việc ông Đ xin ly hôn là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Do yêu cầu xin ly hôn của ông Đ không được chấp nhận nên Tòa án không xem xét giải quyết về con chung.

[5]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Tạ Văn Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tạ Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị B.

2. Ông Tạ Văn Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001398 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu